

Phụ lục

VẬT TƯ PHẪU THUẬT NGOẠI THẦN KINH

(Đính kèm yêu cầu báo giá số: /YCBG-BVĐKTV ngày tháng năm 2025)

STT	MÃ HÀNG HÓA	MÃ HS	Mã số theo TT 04	TÊN HÀNG HÓA	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
Phần 01: VẬT TƯ VÁ SỢ							
1	VT001	9021	N06.05.030	Miếng vá khuyết sọ 150 mm x 150 mm	Chất liệu Titan, kích thước 150 mmx150 mm (±2), cấu trúc lưới được thiết kế dạng chữ Y có thể uốn 3 chiều (3D), độ linh hoạt cao, dễ tạo hình, . Lỗ bắt vít dạng counter sink chìm cho phép vít phẳng với bề mặt lưới, khoản cách lỗ vít 6mm tiêu chuẩn: CE. Xuất xứ: Các nước trong khối G7	Miếng	10
2	VT002	9021	N06.05.030	Miếng vá khuyết sọ 200 mm x 200 mm,	Chất liệu Titan, kích thước 200mmx 200mm (±2), cấu trúc lưới được thiết kế dạng chữ Y có thể uốn 3 chiều (3D), độ linh hoạt cao, dễ tạo hình. Lỗ bắt vít dạng counter sink chìm cho phép vít phẳng với bề mặt lưới, khoản cách lỗ vít 6mm , tiêu chuẩn: CE. Xuất xứ: Các nước trong khối G7	Miếng	10
3	VT003	9021	N07.06.040	Vít mini 2.0 mm	Chất liệu Titan, đường kính 2.0 mm x 6mm. cổ vít có ren khóa bảo đảm lực giữ xương mạnh, ổn định, bước ren dài 1mm, mũ vít có lỗ docking guide để giữ vít chặt hơn khi thao tác và hướng trọng tâm lực khi vặn, Tiêu chuẩn: CE, Xuất xứ: Các nước trong khối G7	Cái	600
Phần 02: MIÉNG GHÉP, MIÉNG VÁ SỢ							
1	VT 004	9021	N06.06.030	Keo dán màng cứng sinh học tự tiêu	Bộ gồm xylanh kép: Hỗn hợp keo gồm: Tiền chất màu xanh Polyethylene Glycol và tiền chất màu trong trilysine amine/ buffer. Dung tích 5ml.	Tuýp	10
2	VT 005	9021	N06.06.070	Miếng vá màng cứng tự dính cỡ 10 cm x 12. 5cm	Chất liệu Ultra Pure Collagen, Kích thước 10 cm x 12.5cm, Thiết kế toàn bộ miếng vá đều có các vi hốc kích thước 50-150 micron. Tự tiêu và biến thành màng cứng tự thân sau khoảng 12 tháng, tự dính. Xuất xứ: Các nước trong khối G7	Cái	10

PHẦN 03 :VẬT TƯ DẪN LƯU							
1	VT 006	9021	N06.01.020	Bộ dẫn lưu dịch não tủy trong	Loại thiết kế đáy phẳng , van đúc sẵn gắn với catheter dẫn lưu bụng, dài 120cm, loại chống xoắn, có kiểm soát trào ngược. Catheter não thất dài 18cm. Các loại áp lực: trung bình hoặc áp lực thấp Tiêu chuẩn: CE	Bộ	5
2	VT 007	9018	N08.00.080	Bộ dẫn lưu dịch não tủy ngoài kèm catheter não thất	Bao gồm: - Có khóa 4 chiều, van chống trào ngược, hai vị trí lấy mẫu/ tiêm, vent lọc khí. Thê tích buồng dẫn lưu 50ml, thê tích túi dẫn lưu 700ml. Thang áp lực theo mmHg và Cm H2O tích hợp trên túi dẫn lưu. - Kèm theo 1 Catheter não thất dài 35cm, đường kính ngoài 3.0 mm-3.3 mm, đường kính trong 1.6 mm-1.9 mm, có dụng cụ đặt thả catheter 38cm, trocar cỡ 10F dài 15cm. Tiêu chuẩn: CE	Bộ	5
3	VT 008	9018	N08.00.110	Bộ theo dõi áp lực nội sọ và dẫn lưu não thất	Thê tích buồng dẫn lưu 100ml có chia độ. Van đối lưu không khí kháng khuẩn, van điều lưu 1 chiều chống trào ngược, tiếp hợp chống xoắn dạng chữ L. Có bộ chuyển đổi áp lực. Có thang đo áp lực đa đơn vị đo mmHg và cmH2O. Thê tích túi dẫn lưu 800ml.Tiêu chuẩn: CE,	Bộ	5
4	VT 009	9018	N08.00.080	Bộ dẫn lưu dịch não tủy từ thất lưng ra ngoài	Bao gồm: - Có khóa 4 chiều, van chống trào ngược, hai vị trí lấy mẫu/ tiêm, vent lọc khí. Thê tích buồng dẫn lưu 50ml, thê tích túi dẫn lưu 700ml. Thang áp lực theo mmHg và Cm H2O tích hợp trên túi dẫn lưu. - Kèm Catheter thất lưng dài 80cm, đk ngoài 1.5mm, đk ngoài 0.7mm; 1 Kim Tuohy 14G x 8.8cm; 1 bộ nối luer, 1 kim cùn cỡ 22G.Tiêu chuẩn: CE	Bộ	5
PHẦN 04 :VẬT TƯ DẪN LƯU TRONG MỔ NỘI SOI							
1	VT 010	9018	N06.01.020	Bộ Van dẫn lưu dịch não tủy chỉnh 5 mức áp lực	Van có khóa chống thay đổi áp lực khi bị tác động bởi ngoại lực do va đập hoặc khi vào vùng từ trường MRI, Van Có 05 mức lực từ 30 - 200 mm H2O. Vỏ van bằng polysulfone trong suốt cho phép nhìn thấy áp lực van trước khi cấy ghép, Đường kính Van 16 mm Bộ điều chỉnh áp lực có 3 phần gồm: 01 Khung định vị có vòng xoay hiển thị 04 hệ áp lực,01 La bàn xác định vị trí trung tâm van,01 Dụng cụ mở khóa van và điều chỉnh áp lực van Dây thoát dịch não thất, dài 23 cm, đường kính trong 1.3 mm đường kính ngoài 2.5 mm, Dây dẫn lưu xuống ổ bụng dài 110 cm; đường kính trong 1.1 mm đường kính ngoài 2.5 mm	Bộ	10

2	VT 011	9018	N06.01.020	Bộ van dẫn lưu dịch não tủy có thể điều chỉnh được 8 mức áp lực	Van Có 08 mức lực từ 30mm -200 mm H₂O. Vỏ van bằng polysulfone trong suốt cho phép nhìn thấy áp lực van trước khi cấy ghép, Đường kính van 16mm Bộ điều chỉnh áp lực có 3 phần gồm: 01 Khung định vị có vòng xoay hiển thị 04 hệ áp lực, 01 La bàn xác định vị trí trung tâm van, 01 Dụng cụ mở khóa van và điều chỉnh áp lực van Dây thoát dịch não thất, dài 23 cm; đường kính trong 1.3 mm đường kính ngoài 2.5 mm , Dây dẫn lưu xuống ổ bụng dài 110 cm; đường kính trong 1.1 mm đường kính ngoài 2.5 mm	Bộ	10
3	VT 012	9018	N06.01.020	Bộ van dẫn lưu dịch não tủy ổ bụng áp lực Cao/ thấp/ trung bình	Van bằng Silicone có tính linh hoạt tránh bị tình trạng dính và biến dạng., Đế van bằng vật liệu Polypropylene ngăn kim đâm xuyên qua van khi lấy dịch. Vòm van bằng silicone có tính đàn hồi cao giúp sử dụng với các loại kim cỡ ≤ 25. Có 3 loại lực: thấp/ trung bình/ cao. Kích thước van 6 mm x 26 mm, hoặc 5 mm x 20 mm. Các catheter có tâm chất cản quang, đường kính ngoài 2.5 mm và trong 1.3 mm. Dây thoát dịch não thất dài 20 cm, có 4 hàng lỗ, mỗi hàng 4 lỗ thoát dịch, có 3 điểm đánh dấu chiều dài, cách nhau 5 cm. Dây thoát dịch ổ bụng có 4 khe thoát dịch ở cuối dây dẫn, dài từ 90 - 100 cm.	Bộ	10
4	VT 013	9018	N06.01.020	Bộ Catheter dẫn lưu dịch não tủy từ não thất ra ngoài EVD - BMI	Dẫn dịch não tủy từ não thất ra ngoài. Theo dõi áp lực và tỷ lệ chảy của dịch não tủy từ não thất, Van lọc khí một chiều ngăn ngừa vi khuẩn xâm nhập và hiệu ứng áp lực âm, Hai vị trí lấy dịch và tiêm thuốc não thất. Bình chứa dịch di chuyển theo dõi dòng chảy, có khóa tạm để điều chỉnh áp lực nhanh chóng, chính xác. Bảng theo dõi và điều chỉnh áp lực nội sọ kích thước 110 mm x 630 mm, túi chứa dịch 700 ml có thể tái sử dụng. Catheter não thất dài 35 cm.	Bộ	10

Phần 05: BỘ NỆP VÍT LÀM CỨNG CỘT SỐNG LƯNG BẰNG VÍT RỒNG BƠM XI MĂNG							
1	VT 014	9021	N07.06.040	Vít đa trục qua da có lỗ bơm xi măng, kèm ốc trong.	Chất liệu vít bằng hợp kim titanium. Vít đa trục rỗng nòng bơm xi măng, mũ vít bước ren vuông tự taro, góc xoay ± 30 độ, thân vít thiết kế thon hình nón. Trên thân vít có 2 vùng bước ren, góc giữa hai vòng ren là 62 độ. Kích thước các cỡ từ 4.5mm- 8.5mm, chiều dài từ 25mm đến 60mm. Có 3 hàng dọc lỗ thoát xi măng, có 3,4 hoặc 5 lỗ thoát xi măng trên mỗi hàng tùy theo chiều dài vít. Đường kính lỗ bơm xi măng là ≥ 1.2 mm, Ốc khóa trong đồng bộ với các loại vít đa trục, vít đơn trục, vít trượt đa trục. Ốc khóa trong có bước ren vuông, đường ren mở góc 12 độ Chiều cao ốc khóa 4.6mm, Chất liệu bằng hợp kim titanium. Xuất xứ từ các nước thuộc G7.Tiêu chuẩn ISO 13485	Bộ	200
2	VT 015	9021	N07.06.040	Nẹp dọc chiều dài 30mm - 300mm	Chất liệu bằng hợp kim titanium, Đường kính 6.0mm, có các dạng cong và thẳng, chiều dài 30mm - 300mm. Xuất xứ từ các nước thuộc G7.Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	30
3	VT 016		N03.03.010	Kim chọc nối bơm xi măng tương thích với vít rỗng nòng bơm xi măng	Chất liệu: Hợp kim titanium. Đường kính đầu dưới kim bơm xi măng là 3.2 ± 0.3 mm, đường kính ống rỗng nòng bơm xi măng là 1.68 ± 0.3 mm, chiều dài kim bơm xi măng 100mm/ 200mm.	Cái	200
4	VT 017	9021	N03.03.010	Kim chọc dò cuống sống các cỡ	Kim dò cuống sống gồm 02 kim, kích cỡ có 8G, 11G và 13G. Đầu kim có dạng vát hoặc dạng nhọn. Phần cán được làm bằng nhựa, có hệ thống khóa chống xoay và phần còn lại được làm bằng thép Xuất xứ từ các nước thuộc G7.Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	40
5	VT 018	9018	N07.06.030	Bơm áp lực đẩy xi măng kèm trộn xi măng	Hệ thống trộn, bơm áp lực đẩy xi măng: Thể tích buồng trộn ≥ 80 cm ³ Bộ trộn kín được làm bằng nhựa trong đó nắp có khóa và có 1 quả bóng bằng kim loại. Với kích thước nhỏ bộ trộn có thể làm lạnh xi măng và tăng thời gian làm việc. Bơm áp lực được thiết kế với tay cầm tiện dụng, có cơ chế dừng xi măng bằng cách quay 180° ngược chiều kim đồng hồ. Xuất xứ từ các nước thuộc G7. Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	20

6	VT 019	9018	N07.06.030	Xi măng sinh học kèm dung dịch pha	Xi măng sinh học dùng trong phẫu thuật cột sống Thành phần gồm: Bột xi măng 24g ($\pm$ 1g) và dung dịch pha xi măng 10ml ($\pm$ 1ml) + Bột xi măng 24g gồm: Poly(methyl methacrylate) 10.95 g; poly(methyl acrylate/methyl methacrylate) 1.75 g; Zirconium dioxide 10.80 g; benzoyl peroxide 0.50 g. + Dung dịch pha 10ml gồm: Methyl methacrylate 9.93 ml, N,N-dimethyl-p-toluidine 0.07 ml, chất ổn định với 60 ppm hydroquinone. Tiệt khuẩn, Tiêu chuẩn: ISO/CE	Cái	30
7	VT 020	3006	N07.06.030	Bộ dụng cụ đồ xi măng tạo hình thân đốt sống không bóng 11G,13G,15G	Bộ dụng cụ đồ xi măng tạo hình thân đốt sống không bóng bao gồm: Kim dò cuống sống gồm 02 kim, kích cỡ có 8G, 11G và 13G. Đầu kim có dạng vát hoặc dạng nhọn. Phần cán được làm bằng nhựa, có hệ thống khóa chống xoay và phần còn lại được làm bằng thép Bộ trộn kín được làm bằng nhựa trong đó nắp có khóa và có 1 quả bóng bằng kim loại. Với kích thước nhỏ bộ trộn có thể làm lạnh xi măng và tăng thời gian làm việc. Thời gian trộn ngắn $\leq$ 30 giây và đạt được độ nhót ứng dụng nhanh chóng ngay khi trộn. Thời gian làm việc của xi măng có thể kéo dài tới 18 phút nếu nhiệt độ phòng 18 độ C hoặc 11 phút nếu nhiệt độ phòng 25 độ C	Bộ	40
Phần 06: NẸP VÍT CỘT SỐNG LƯNG NGỰC QUA DA REN VUÔNG CÓ BƠM XI MĂNG							
1	VT021	9021	N07.06.040.	Vít đa trục rỗng ruột dùng để bơm xi măng	Vật liệu titanium. Kích thước: 5mm - 7mm, chiều dài 35 mm - 60 mm, Trên thân vít có $\geq$ 9 lỗ bơm xi măng, mỗi bên có $\geq$ 3 lỗ cho phép việc bơm xi măng đồng nhất. Đầu vít được thiết kế để gắn với canulla bơm xi măng. Phần rỗng bên trong của vít được thiết kế theo nguyên lý cơ học của dịch cho phép xi măng dễ dàng xuyên qua các lỗ mà không chảy xuống tận cùng của thân vít. Đóng gói tiệt trùng sẵn Tiêu chuẩn: ISO, CE. Xuất xứ: Các nước Châu Âu	Cái	180
2	VT022	9021	N07.06.040.	Vít khóa trong cột sống thắt lưng	Vật liệu titanium, đóng gói tiệt trùng sẵn Tiêu chuẩn: ISO, CE. Xuất xứ: Các nước Châu Âu	Cái	180

3	VT023	9021	N07.06.040.	Nẹp dọc cột sống thắt lưng	Vật liệu: Titanium, Kích thước: dk: 5.4mm, dài 50 mm - 90 mm, Nẹp dọc được uốn sẵn với vít có ren bên, nhuyền. Đóng gói tiệt trùng sẵn, Tiêu chuẩn: ISO, CE. xuất xứ: Các nước Châu Âu	Cái	70
4	VT024	9021	N03.03.010	Kim chọc dò bơm xi măng vào thân đốt sống	Vật liệu: Thép không gỉ, Kích cỡ: có 2 loại 11G và 13G, dài 125mm, Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng. Tiêu chuẩn: ISO, CE	Cái	150
5	VT025	9021	N07.06.070	Xi măng hóa học tạo hình thân đốt sống	Thành phần: Lọ bột: 27.0g- 27.2g: Trong đó có 45% Zirconium dioxide và 5% Hydroxyapatite, dung dịch: 9.0g - 9.2g có Chất cản quang: 50%, Độ nhớt thấp Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng - Tiêu chuẩn: ISO, CE	Hộp	75
6	VT026	9021	N07.06.030.	Bộ trộn và bơm xi măng đóng gói tiệt trùng sẵn	Gồm: Tay quay trộn xi măng, phễu dùng để trộn xi măng và dung dịch (hóa chất), xi lanh để hút và bơm xi măng, 1 tay cầm, 1 ống nối. Sản phẩm chỉ sử dụng 1 lần, được đóng gói tiệt trùng sẵn, Tiêu chuẩn: ISO, CE. xuất xứ: Các nước Châu Âu	Bộ	50
7	VT027	9021	N07.06.040	Nẹp ngang cột sống thắt lưng	Vật liệu: Hợp kim titanium Gồm: Móc nẹp ngang tự tháo rời, Vít khóa nẹp ngang hình lục giác, dài 20 mm - 80 mm, Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng. Tiêu chuẩn: ISO, CE	Bộ	5
8	VT028	9021	N06.04.020	Đĩa đệm trong phẫu thuật cột sống thắt lưng lõi bên	Vật liệu: PEEK, Có 2 điểm đánh dấu bằng tantalum, Độ sâu răng cưa: 0.9mm, Thể tích xương ghép: 0.58cc - 1.04cc. Kích cỡ: Chiều dài: 28mm, Chiều rộng: 11mm, Chiều cao: 8 mm - 14 mm, Độ uốn: 4 độ. Tiêu chuẩn: ISO, CE	Cái	30

Phần 07: NẸP VÍT RỒNG PHẪU THUẬT CỘT SỐNG LƯNG NGỰC CÓ BƠM XI MĂNG

1	VT029	90211000	N07.06.040	Vít đa trục rỗng nòng bơm xi măng	Vật liệu: Hợp kim Titanium với mũ vít bằng hợp kim Cobalt Chrome. Đường kính vít từ 4.5 mm - 9.5 mm , Chiều dài từ 30 mm - 80 mm tùy vào đường kính vít, Tổng chiều cao mũ vít: 17.04 mm, Vít có hai vùng ren: vùng ren xương xộp phía đầu vít với khoảng cách giữa 2 bước ren là 4 mm và vùng ren xương cứng phía mũ vít với khoảng cách giữa hai bước ren là 2 mm, Ren mở rộng đến đầu thon để dễ dàng bắt vít. Có 6 lỗ phía đầu vít cho phép xi măng có thể trực tiếp đi qua thân và các lỗ vít giúp cố định tức thời với những trường hợp có chất lượng xương kém. Tiêu chuẩn: ISO 13485	Cái	100
---	-------	----------	------------	-----------------------------------	--	-----	-----

2	VT030	90211000	N07.06.040	Ốc khóa trong cho vít đơn trục, đa trục hai bước ren	Vật liệu: Hợp kim Titanium.- Công nghệ cánh ren ngược giúp tối đa tiếp xúc giữa ren của ốc khoá trong với đầu mũ vít, tự gây khi vận đủ lực, Vít có đặc tính với đầu tù giảm khả năng bắt lệch trục từ điểm đầu tới mũ vít, Đường kính: ≥ 8.86 mm, khoảng cách giữa hai bước ren: 1.0 mm, Tổng chiều cao: ≤ 13.5 mm. Tiêu chuẩn: ISO, FDA	Cái	100
3	VT031	90211000	N07.06.040	Nẹp dọc thẳng cột sống ngực lưng	Nẹp dọc cứng đường kính 5,5 mm, Chất liệu: Hợp kim Titanium, Dài 500 mm, trong đó bao gồm đầu 6 mm hình lục lăng dùng để xoay nẹp. Có 2 đường kẻ dọc để đánh dấu khi xoay. Tiêu chuẩn: ISO, FDA	Cái	30
4	VT032	90189090	N07.06.030	Kim chọc đưa xi măng vào đốt sống	Kim chọc đưa xi măng vào thân đốt sống size 2, dung tích 1cc gồm: 01 ống rỗng nòng, 01 kim chọc đẩy xi măng có vạch đo độ sâu, 01 Que đẩy có 2 đường kính đầu gần to và đầu xa nhỏ để đi vào cuống sống. Vật liệu: Thép 304 và nhựa	Cái	100
5	VT033	30064020	N07.06.030	Xi măng sinh học kèm dung dịch pha	Xi măng sinh học kèm dung dịch pha gồm: - Bột xi măng: 20g xi măng tiệt trùng dạng bột với Barium sulphate 30%, Methyl methacrylate-Styrene-copolymer 68%, Benzoyl peroxide 2% - Dung dịch pha: 9g chất lỏng trong lọ vô trùng với thành phần Methyl methacrylate (mono-mer): 99.1%, N, N-dimethyl-p-toluidine: 0.9%, Hydroquinone 75ppm Là loại xi măng có độ nhót cao, Có cản quang: 30% Barium Sulfate,. Tiêu chuẩn: ISO, FDA	Gói	30
Phần 08: NẸP VÍT PHẪU THUẬT CỘT SỐNG LƯNG NGỰC REN ĐÔI DẠNG XOẮN KÉP							
1	VT034	9021	N07.06.040	Vít đa trục các cỡ kèm ốc khóa trong	Vật liệu làm bằng Titanium Thiết kế dạng cuống nhỏ giúp giảm thiểu va chạm với mô mềm; Vít quay đa hướng với góc quay lên đến ≥ 65 độ xung quanh thân vít; Thân vít có ren đôi dạng xoắn kép tự Taro; Đường kính các cỡ từ :4,0mm -8.0mm; Chiều dài từ 30mm đến 95mm; Ốc khóa trong làm bằng titanium cánh ren ngược tương thích với vít đơn trục và đa trục với ren đôi xoắn kép; Đường kính trong được thiết kế theo hình lục giác; Đạt tiêu chuẩn: FDA, ISO, CE.	Cái	350

2	VT035	9021	N07.06.040	Vít nắn trượt đa trục các cỡ kèm ốc khóa trong	Vật liệu làm bằng Titanium Thiết kế dạng cuống nhỏ giúp giảm thiểu va chạm với mô mềm; Đầu Vít được thiết kế dài hơn gồm 2 phần nhằm giảm lực nén và chèn thanh Rod dễ dàng, sau khi siết đủ lực, một phần đầu ốc sẽ gãy và rơi ra; Vít quay đa hướng với góc quay lên đến $\geq 65^\circ$; Thân vít có ren đôi dạng xoắn kép, tự Taro; Đường kính các cỡ từ: 4,0 mm - 8.0 mm; Chiều dài từ 30 mm đến 95 mm; Ốc khóa trong làm bằng Titanium; Thiết kế ren đôi với cánh ren ngược, tương thích với vít nắn trượt đuôi dài; Đường kính trong được thiết kế theo hình lục giác; Đạt tiêu chuẩn: FDA, ISO, CE.	Cái	70
3	VT036	9021	N07.06.040	Nẹp dọc	Vật liệu làm bằng Titanium Thiết kế hình trụ tròn, sử dụng cùng với vít đơn trục và đa trục cánh ren đôi xoắn kép; Nẹp dọc có đường kính 5.5 mm, chiều dài ≥ 480 mm; Đạt tiêu chuẩn: FDA, ISO, CE	Cái	100
4	VT037	9021	N07.06.040	Nẹp nối ngang	Vật liệu bằng Titanium-; Thiết kế tăng đơ, có thể điều chỉnh độ dài ngắn thích hợp từ 33 mm đến 90 mm, giúp giảm thiểu áp lực lên màng cứng; Đạt tiêu chuẩn: FDA, ISO, CE	Cái	10
5	VT038	9021	N06.04.020	Miếng ghép cột sống lưng các cỡ	Vật liệu làm bằng PEEK-Titanium, thiết kế hình cong có khớp nối giúp đĩa có thể xoay đến vị trí cuối an toàn và chính xác; Có khớp nối ở đầu đĩa bằng Titanium, giúp xoay đĩa 90° một cách dễ dàng, ôm vào thân đốt sống. Bề mặt răng hình kim tự tháp, giúp chống trượt đĩa và bám chặt; Có vạch cân quang Tantalum; Khung nhồi xương lớn với lỗ trước và lỗ sau hỗ trợ lưu thông máu. Chiều dài đĩa 28 mm và 32 mm; Chiều rộng 9 mm -11 mm. Chiều cao từ 7 mm đến 16 mm. Độ uốn : 0° , 5° và 8° ; Đạt tiêu chuẩn: FDA, ISO, CE.	Cái	50

Phần 09: NẸP VÍT PHẪU THUẬT CỘT SỐNG LƯNG NGỰC BƯỚC REN VUÔNG

1	VT039	9021	N07.06.040	Vít đa trục rỗng nòng kèm ốc khóa trong	Vít đa trục rỗng nòng bơm xi măng, mũ vít bước ren vuông tự taro, góc xoay ± 30 độ, có thân vít thiết kế thon hình nón. Chiều cao mũ vít: 16.6 mm, chiều rộng mũ vít: 13.18 mm. Mũ vít mỏng, thấp, bước ren vuông, đường ren mở góc 12 độ và cách nhau 0.51 ± 0.05 mm. Trên thân vít có 2 vùng bước ren: vùng xương xốp là 2.5 mm và vùng xương cứng là 1.5 mm, góc giữa hai vòng ren là 62 độ. Chất liệu vít bằng hợp kim titanium. Kích thước: bao gồm các cỡ 4.5 mm- 8.5 mm, chiều dài từ 25 mm đến 60 mm. Có 3 hàng dọc lỗ thoát xi măng có 3,4 hoặc 5 lỗ thoát xi măng trên mỗi hàng tùy theo chiều dài vít. Đường kính lỗ bơm xi măng là ≥ 1.2 mm, Ốc khóa trong tương thích với vít Ốc khóa có bước ren vuông, Chiều cao ốc khóa 4.6 mm, Chất liệu bằng hợp kim titanium. Xuất xứ từ các nước thuộc G7. Tiêu chuẩn ISO 13485	Bộ	200
2	VT040	9021	N07.06.040	Vít đa trục kèm ốc khóa trong	Chất liệu vít bằng hợp kim titanium. Vít đa trục tự taro, góc xoay ± 30 độ, có thiết kế đầu vít thon hình nón. Mũ vít mỏng, thấp, bước ren vuông, đường ren mở góc 12 độ Trên thân vít có bước ren 2.5 mm, góc giữa hai vòng ren là 62 độ. Kích thước: 4.5 mm - 10.0 mm, chiều dài từ 25 mm đến 60 mm Ốc khóa trong chất liệu titanium. tương thích với vít đa trục, có bước ren ngang với góc mở 12 độ, có lỗ hình lục giác. Tiêu chuẩn: CE, Xuất xứ: Các nước trong khối G7	Bộ	100
3	VT041	9021	N07.06.040	Nẹp dọc cột sống lưng ngực đường kính 6.0 mm các loại	Nẹp dọc chất liệu bằng titanium, đường kính 6.0 mm, .Chiều dài 65 mm - 95 mm. Tiêu chuẩn: CE, Xuất xứ G7	Cái	30
4	VT042	9021	N06.04.020	Miếng ghép đĩa đệm cột sống	Chất liệu: PEEK. Miếng ghép dạng cong, phần đầu miếng ghép có các cạnh được bo tròn. Bề mặt có các răng bám dạng nghiêng. Có 3 điểm đánh dấu chất liệu Tantalum không thấm xạ. Khoảng ghép xương lớn có thể tích từ 0.7 ml đến 2.2 ml.- Kích thước : Dài 29 mm - 34 mm, rộng: 11 mm -16 mm Chiều cao từ 7 mm đến 14 mm góc 5°.Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	40

5	VT043	9021	N07.06.040	Nẹp nối ngang xoay góc 20 độ,	Nẹp nối ngang cột sống lưng các cỡ , dài từ 35 mm đến 107 mm. Chất liệu bằng titanium.có 3 ốc khóa, Nẹp có khớp nối để xoay được góc ± 20 độ.Tiêu chuẩn: CE, Xuất xứ: Các nước trong khối G7	Cái	8
Phần 10: NẸP VÍT PHẪU THUẬT CỘT SỐNG LƯNG NGỰC KHÓA NGÀM XOẮN							
1	VT 044	9021	N07.06.040	Vít đa trục cột sống các cỡ kèm ốc khóa	Vật liệu: Hợp kim Titanium,' Đường kính: 4.0 mm - 8.5 mm,Chiều dài: 25 mm - 60 mm.Khóa ngàm xoắn giúp giảm phát tán lực ngang lên đầu vít Đầu vít với Chiều cao đầu vít là ≥ 16 mm, chiều cao chạy trên nẹp dọc là 9.7 mm, chiều rộng đầu vít là ≥ 11 mm.Thân vít đường ren dẫn kép, tự taro, khoảng cách ren đôi là 6 mm, Góc xoay đầu vít 60 độ, xoay đa hướng. Ốc khóa trong : Khóa ngàm xoắn, ren hình vuông 'Thiết kế chống xoay ra ngoài, giảm lực bẻ chéo ren vít Vật liệu: Hợp kim Titan, tương thích vít đa trục. Tiêu chuẩn: CE, Xuất xứ: Các nước trong khối G7	Cái	150
2	VT 045	9021	N07.06.040	Vít trượt đa trục, các cỡ kèm ốc khóa	Vít trượt đa trục, các cỡ Chất liệu : Hợp kim Titanium Đường kính 5.5 mm- 7.5 mm có chiều dài : 30 mm - 55 mm Khóa ngàm xoắn, mặt xoắn lồng vào nhau giúp giảm phát tán lực ngang lên đầu vít, Vít tự taro, 2 luồng ren trên thân vít giúp giảm thời gian bắt vít. Khoảng cách ren đôi là 6 mm, góc nghiêng giữa 2 ren ≤ 60 độ. Vít được thiết kế với tổng chiều dài đầu vít là : 31 mm và phần đế nắn trượt thân đốt sống là : 15 mm. Góc quay ≥ 60 độ và có thể mở rộng sự chỉnh trượt Ốc khóa trong :Hợp kim Titan, tương thích vít đa trục - Tiêu chuẩn : FDA - Mỹ.	Cái	5
3	VT 046	9021	N07.06.040	Nẹp nối ngang dành cho vít khóa ngàm xoắn, các cỡ	Chất liệu: Titanium: Chiều dài: 20 mm - 60 mm, Có thể uốn nẹp - Tiêu chuẩn chất lượng : FDA, Xuất xứ: Các nước trong khối G7	Cái	25
4	VT 047	9021	N07.06.040	Nẹp dọc	Chất liệu: Hợp kim Titan,' Đường kính: 5.5 mm, Chiều dài ≥ 500 mm Có vạch chỉ dẫn chạy dọc trên nẹp. Tiêu chuẩn: CE, Xuất xứ: Các nước trong khối G7	Cái	30

5	VT 048	9021	N06.04.020	Miếng ghép cột sống lưng thẳng các cỡ	Vật liệu: PEEK, bề mặt răng ngược chống tuột, Đầu hình nón Chiều rộng: 9 mm - 11 mm, Chiều cao: 8 mm - 14 mm, Chiều dài: 20 mm -32 mm tùy cỡ,' Độ uốn: 4 độ, Có 3 điểm cân quang Thể tích khoang ghép xương: ≥ 1.07 cc. Tiêu chuẩn: CE, Xuất xứ: Các nước trong khối G7	Cái	30
6	VT 049	9021	N07.06.040	Thân đốt sống nhân tạo	Thân đốt sống cột sống ngực dùng trong phẫu thuật cột sống ngực lưng Chất liệu Titanium, đường kính: 10 mm -24 mm, Chiều cao: 6 mm -90 mm, Hình trụ tròn, có thể cắt và tạo hình, có thể nhồi xương tự thân hoặc xương nhân tạo. Tiêu chuẩn: CE, Xuất xứ: Các nước trong khối G7	Cái	3
Phần 11: NỆP VÍT PHẪU THUẬT CỘT SỐNG LƯNG NGỰC REN ĐÔI							
1	VT050	9021	N07.06.040	Vít đơn trục các cỡ kèm ốc khóa trong	Vật liệu: Hợp kim titan Ti6Al4V. Vít đơn trục tự taro. Đường kính 4.0 mm - 9.0 mm: chiều dài 20 mm - 55 mm tùy đường kính. Đầu vít : Chiều cao ≥ 9.25 mm chiều rộng ≥ 9.8 mm, chiều dài 13 mm, tron lảng không làm tổn thương mô mềm. Cổ vít: Đường kính ≥ 5.2 mm, Thân vít: Ren kép, gồm ren tứ ở vùng chân cung có bước ren 1.4 mm tăng độ chắc chống nhô vít và ren xương xộp có bước ren 2.8 mm.Ốc khóa trong với vật liệu hợp kim titan Ti6Al4. Tiêu chuẩn ,CE, ISO 13485.Xuất xứ:Các nước trong khối G7	Bộ	50
2	VT051	9021	N07.06.040	Vít đa trục các cỡ kèm ốc khóa trong	Vật liệu: Hợp kim titan Ti6Al4V, Vít đa trục tự taro, góc xoay đa hướng 30°. Đường kính 4.0 mm - 8 mm, chiều dài 25 mm - 60 mm tùy đường kính Đầu vít : Chiều cao ≥ 13.9 mm x chiều rộng ≥ 9.8 mm x chiều dài 13 mm, tron lảng không làm tổn thương mô mềm, Cổ vít : Đường kính ≥ 5.2 mm, được gia cố giảm nguy cơ gãy. Thân vít : Ren kép, gồm ren tứ ở vùng chân cung có bước ren 1.4 mm tăng độ chắc chống nhô vít và ren xương xộp có bước ren 2.8 mm . Đi kèm với ốc khóa trong với vật liệu hợp kim titan Ti6Al4V.Tiêu chuẩn chất lượng : CE, ISO 13485. Xuất xứ: Các nước trong khối G7	Bộ	80
3	VT052	9021	N07.06.040	Nẹp dọc dài	Vật liệu: Hợp kim titan Ti6Al4V Đường kính 5.5 mm ,chiều dài từ 40 mm - 500 mm.- Tiêu chuẩn chất lượng : CE; ISO 13485.Xuất xứ :Các nước trong khối G7	Cái	20

4	VT053	9021	N07.06.040	Thanh nối vuông kèm ốc khóa	Vật liệu: Hợp kim titan Ti6Al4V, Đường kính: 5.5 mm, Chiều cao: 11 mm- 11.2 mm, Chiều rộng: 14.5 mm - 15 mm, Chiều dài: 19 mm. Thanh nối vuông kèm ốc khóa có lỗ bắt ốc để siết chặt với thanh dọc Ø 5.5 mm. Tiệt trùng trước khi mổ, Tiêu chuẩn chất lượng: CE, ISO 13485. Xuất xứ: Các nước trong khối G7	Cái	10
5	VT054	9021	N06.04.020	Miếng ghép cột sống lưng các cỡ	Vật liệu : PEEK. Chiều cao : 8 mm - 14 mm, Chiều rộng 11 mm, chiều dài 32 mm - 34 mm Thiết kế cong có các điểm đánh dấu để chụp X-quang, độ ổn định được tăng lên nhờ rãnh định hướng chống di chuyển và có 2 khoang lớn để nhét xương. Tiệt trùng sẵn. Tiêu chuẩn chất lượng : CE, ISO. Xuất xứ: Các nước trong khối G7	Cái	10
6	VT055	9021	N07.06.040	Nẹp nối ngang kèm ốc khóa	Vật liệu: Hợp kim titan Ti6Al4V. Đường kính 5.5 mm : chiều dài 45 mm - 85 mm Thanh ngang có một đầu cố định và một đầu rời điều chỉnh được chiều dài, dễ dàng kết nối với thanh dọc Ø 5.5 mm. 01 Ốc khóa: Vật liệu: Hợp kim titan Tiêu chuẩn chất lượng :CE, ISO. Xuất xứ: Các nước trong khối G7	Cái	5
7	VT056	9021	N07.06.040	Nẹp nối ngang đa hướng kèm ốc khóa	Nẹp: vật liệu: Hợp kim titan Ti6Al4V, Đường kính 5.5 mm : chiều dài 45 mm -75 mm, bước tăng 10 mm. Thanh ngang có một đầu cố định và một đầu xoay đa hướng, linh hoạt về kích thước và góc xoay, dễ dàng kết nối với thanh dọc Ø 5.5 mm. Ốc khóa: Vật liệu : hợp kim titan tương thích với nẹp. Tiêu chuẩn chất lượng : CE, ISO. Xuất xứ Các nước trong khối G7	Cái	5
Phần 12: Hệ thống vít cuống sống lõi sau dùng cho cố định cột sống ngực							
1	VT057		N07.06.040	Vít cột sống lưng rồng nòng, kèm vít khóa trong	Dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực xâm lấn tối thiểu Chất liệu: Ti-6Al-4V, mũi vít tự taro. Đường kính: 5.5 mm-7.5 mm, dài 30 mm-60 mm, đầu vít dài 77 mm -127 mm , Lòng vít : rồng, đường kính lòng ≥ 1.8 mm, dùng k-wire dẫn đường 1.6 mm vít khóa trong đường kính 9.7 mm, cáo 5.6 mm. Tiêu chuẩn :ISO, FDA	Bộ	80

2	VT058		N07.06.040	Nẹp dọc dùng cho vít đa trục lòng rỗng	Chất liệu : Titanium Kích thước: Đường kính 5.5 mm, dài 40 mm-200 mm Đặc tính kỹ thuật: Nẹp dọc dùng cho vít đa trục lòng rỗng, loại thanh dọc trơn láng.Tiêu chuẩn :ISO, FDA	Cái	20
3	VT059		N06.04.020	Đĩa đệm lưng điều chỉnh độ cao	Chất liệu: Titanium. Đĩa có thiết kế đầu hình viên đạn nhỏ, độ uốn 0°, 8°, 15°, đĩa có thể chỉnh được độ cao, trợ cụ có giới hạn lực kiểm soát độ cao chính xác Kích thước : - Loại cao 8 mm-12 mm (Tăng tối đa 4 mm) : Đĩa rộng <u>11</u> mm, dài 27 mm (closed), dài 22 mm (expanded) - Loại cao 10 mm-14 mm (Tăng tối đa 4 mm) : Đĩa rộng 11 mm, dài 28 mm (closed), dài 22 mm (expanded) Đóng gói tiệt trùng sẵn. Kèm bộ trợ cụ & hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình sử dụng. Tiêu chuẩn hàng hóa chào đạt được: ISO, FDA	Cái	10

Phần 13: NẸP VÍT P CỘT SỐNG LƯNG NGỰC REN TOÀN PHẦN

1	VT060	9021	N07.06.040	Vít đa trục tiêu chuẩn	Vật liệu: Titanium, Đường kính thân vít: từ 4.0 mm đến 8.5 mm, Chiều dài thân vít từ 20 mm đến 60 mm mỗi bước tăng 5 mm.	Cái	50
2	VT061	9021	N07.06.040	Vít đa trục các cỡ	Vật liệu: Titanium, Vít có ren đôi với bước ren khác nhau. Đường kính thân vít từ 4.0 mm đến 8.5 mm, bước tăng 0.5 mm. Chiều dài thân vít từ 20 mm đến 60 mm mỗi bước tăng 5 mm.	Cái	70
3	VT062	9021	N07.06.040	Vít nén ép	Vật liệu: Titanium. Vít có ren đôi với bước ren khác nhau, thân vít được phủ lớp HA (Hydroxylapatite) Đường kính thân vít: từ 4.0 mm đến 8.5 mm, Chiều dài thân vít: từ 20 mm đến 60 mm, bước tăng 5 mm.	Cái	30
4	VT063	9021	N07.06.040	Ốc khóa trong	Đường kính từ 7 mm đến 11 mm. Tương thích với vít và nẹp dọc các cỡ,	Cái	150
5	VT064	9021	N07.06.040	Nẹp dọc	Vật liệu: Titanium, Đường kính: 5.5 mm , Chiều dài ≥ 100 mm	Cái	15

6	VT065	9021	N06.04.020	Miếng ghép cột sống lưng các cỡ	Vật liệu: PEEK và Titanium, Đường kính/ Độ cao: 7 mm đến 17 mm, bước tăng 1 mm, Độ dài: 24 mm đến 34 mm.	Cái	30
7	VT066	9021	N06.04.020	Đốt sống nhân tạo điều chỉnh được độ dài	Vật liệu: Titanium. Phần thân hình trụ, có khoang rỗng ghép xương, Lồng xương tăng đưa điều chỉnh được chiều dài. Đường kính: 12 mm - 14 mm. Độ dài: từ 18 mm đến 60 mm.	Cái	5
Phần 14: NỆP VÍT P CỘT SỐNG LƯNG NGỰC HAI BƯỚC REN							
1	VT067	90211000	N07.06.040	Vít đa trục cột sống ngực lưng hai bước ren	Vật liệu: Hợp kim Titanium với mũ vít bằng Cobalt Chrome, Đường kính từ 4.0 mm đến 9.5 mm, Chiều dài từ 20 mm -100 mm, Chiều cao mũ vít ≥ 14.8 mm, Chiều rộng phần mũ vít ≥ 10.4 mm. Vít có 2 bước ren: Phần ren xương xấp phía đầu vít với khoảng cách giữa 2 bước ren là 4 mm và phần ren xương cứng phía mũ vít với khoảng cách giữa hai bước ren là 2 mm. Ren mở rộng đến đầu thon để dễ dàng bắt vít. Tiêu chuẩn: ISO, FDA	Cái	200
2	VT068	90211000	N07.06.040	Ốc khóa trong cho vít cột sống ngực lưng hai bước ren	Vật liệu: Hợp kim Titanium, Khoảng cách giữa hai bước ren 0.9 mm, Đường kính ren ≥ 7.86 mm, Chiều cao sau khi bẻ mũ vít khóa trong ≥ 4.85 mm, Tự gãy khi vận đủ lực- Tiêu chuẩn: ISO, FDA	Cái	200
3	VT069	90213900	N06.04.020	Miếng ghép đĩa đệm nhân tạo	Vật liệu: PEEK, Đầu hình viên đạn, có răng. Số điểm đánh dấu cản quang: 4 điểm. Chiều dài: 25 mm- 30 mm, Chiều cao: 7 mm -15 mm, Chiều rộng trước /sau : 10 mm, Độ uốn: 6 độ Khoang ghép xương từ: 0.3 cc - 1.17 cc tùy kích thước. Đóng gói trong hộp đã được tiệt trùng. Có 2 đầu gắn dụng cụ để đặt gắn thẳng 0 độ hoặc gắn nghiêng 15 độ. Tiêu chuẩn: ISO, FDA	Cái	40
4	VT070	90211000	N07.06.040	Nẹp dọc thẳng cột sống ngực lưng hợp kim Cobalt Chrome	Vật liệu: Hợp kim Cobalt Chrome Đường kính 4.75 mm, chiều dài ≥ 500 mm, loại thẳng, Tiêu chuẩn: ISO, FDA	Cái	50

Phần 15: NẸP, VÍT CỘT SỐNG NGỰC LƯNG DÀNH CHO PHẪU THUẬT ÍT XÂM LẤN

1	VT071		N07.06.040	Vít đa trục rỗng nòng kèm ốc khóa trong	Vật liệu: Hợp kim titan Ti6Al4V, đường kính 4.5 mm - 8.0 mm ứng với chiều dài từ 25 mm-100 mm tùy đường kính. Cổ vít : Đường kính 5.2 mm, trơn láng không làm tổn thương mô mềm, Thân vít : Ren kép, gồm ren từ ở vùng chân cung có bước ren 1.4 mm tăng độ chắc chống nhỏ vít và ren xương xóp có bước ren 2.8 mm không làm yếu xương khi thực hiện phẫu thuật cột sống. Phần đầu vít ≥ 13.9 mm, rộng ≥ 9.8 mm, dài 13 mm - 14 mm, góc xoay đa hướng 30° mỗi bên. Thân vít rỗng nòng có thể dùng bơm xi măng qua Tiêu chuẩn chất lượng: CE; ISO 13485. Xuất xứ: các nước trong khối G7	Cái	100
2	VT072		N07.06.040	Vít đa trục rỗng nòng đuôi vít dài kèm ốc khóa trong	Vật liệu: Hợp kim titan Ti6Al4V. Vít đa trục rỗng nòng, đuôi vít dài có lỗ thoát ngang sử dụng trong phẫu thuật cột sống ít xâm lấn và bơm xi măng tạo hình đốt sống, tự taro, góc xoay đa hướng 30° mỗi bên. Đường kính: 4.5 mm - 8.0 mm; chiều dài 25 mm $\rightarrow$ 70 mm. Cổ vít : Đường kính 5.2 mm, được gia cố giảm nguy cơ gãy, trơn láng không làm tổn thương mô mềm, Thân vít : Ren kép, gồm ren từ ở vùng chân cung có bước ren 1.4 mm tăng độ chắc chống nhỏ vít và ren xương xóp có bước ren 2.8 mm không làm yếu xương khi thực hiện phẫu thuật cột sống, kèm với ốc khóa trong với vật liệu hợp kim titan Ti6Al4V. Tiêu chuẩn chất lượng : CE , ISO 13485. Xuất xứ: các nước trong khối G7	Cái	100
3	VT073		N07.06.040	Đĩa đệm cột sống lưng	Vật liệu: PEEK. Chiều cao : 7 mm $\rightarrow$ 14 mm. Chiều rộng: ≥ 11 mm, độ uốn 4° và 6° , Chiều dài: 30 mm. Hình viên đạn, một đầu thon để dễ dàng đưa vào đốt sống, có khoang để nhét xương rộng và các rãnh chống di chuyển. Tiêu chuẩn chất lượng : CE, ISO 13485. Xuất xứ: các nước trong khối G7	Cái	15
4	VT074		N07.06.040	Thanh dọc mô ít xâm lấn dài 30 mm-200 mm	Vật liệu: Hợp kim titan Ti6Al4V. Đường kính 5.5 mm, chiều dài từ 30 mm -200 mm. Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE. Xuất xứ: các nước trong khối G7	Cái	80

Phần 16: NẸP, VÍT CỘT SỐNG NGỰC LƯNG DÀNH CHO PHẪU THUẬT ÍT XÂM LẤN

1	VT075	90183990	N03.03.010	Kim chọc dò cuống sống	Vật liệu: Thép không gỉ và polymer (nhựa y tế),- Kim được thiết kế với 2 đường kính: Phía mũi đường kính nhỏ và phía sau đường kính lớn hơn, giúp dễ dàng đưa kim vào thân đốt sống qua cuống sống. Tây cầm có khóa có thể tháo rời, có vạch chia trên thân dụng cụ, Chiều dài 150 mm Gồm hai phần: phần kim bên ngoài với đường kính ≥ 4.19 mm và nòng bên trong với đường kính ≥ 3.17 mm Đóng gói 02 cái/hộp. Bao gồm 01 kim mũi vát, 01 kim mũi trocar, Hàng đóng gói đã tiệt trùng. Tiêu chuẩn: ISO, FDA	Hộp	25
2	VT076	90211000	N07.06.040	Vít đa trục rỗng nòng qua da	Mũi vít vật liệu Colbalt Chrome với vòng vương miện Titanium, Thân vít vật liệu hợp kim Titanium, Vít rỗng nòng, đường kính từ 4.5 mm - 8.5 mm, Chiều dài vít từ 35 mm - 80 mm tùy vào đường kính vít. Vít có hai bước ren để tăng cố định vào xương, phù hợp cho vùng xương xốp và vùng xương cứng. Tiêu chuẩn: ISO, FDA	Cái	100
3	VT077	90211000	N07.06.040	Ốc khóa trong	Vật liệu: Hợp kim Titanium, Khoảng cách giữa hai bước ren 0.9 mm, Đường kính ren ≥ 7.86 mm, Chiều cao sau khi bẻ mũ vít khóa trong ≥ 4.85 mm, Tự gãy khi vận đủ lực- Tiêu chuẩn: ISO, FDA	Cái	100
4	VT078	90211000	N07.06.040	Nẹp dọc uốn sẵn qua da cột sống ngực lưng	Vật liệu: Cobalt Chrome, Đường kính: 4.75 mm, Uốn sẵn, Chiều dài từ 30 mm - 90 mm Đồng bộ với vít cột sống ngực/thắt lưng đa trục rỗng nòng qua da và ốc khóa trong qua da Tiêu chuẩn: ISO, FDA	Cái	50
5	VT079	30019000	N06.04.090	Xương nhân tạo	Thành phần hoá học: 15% Hydroxyapatite và 85% beta-Tricalcium Phosphate. Cấu tạo xốp 3 chiều đồng nhất, thành phần hóa học gần giống xương cơ thể người. Kích thước hạt: 1.6 mm - 3.2 mm, Độ xốp của hạt: 80%. với kích thước trung bình khoảng trống là 500 micron và đường kính lỗ liên kết giữa các khoang trống là 125 micron. Dung tích 10cc. Tương thích sinh học tốt với cơ thể Hình thành xương mới trong vòng 6 tháng. Tiêu chuẩn: ISO, FDA,	Lọ	5

6	VT080	90213900	N07.06.040	Đĩa đệm cột sống lưng nghiêng .	Vật liệu: PEEK, Đầu hình viên đạn, có răng. Số điểm đánh dấu cản quang ≥ 04 điểm, Chiều dài 25 mm- 30 mm, Chiều cao 7 mm- 15 mm, Chiều rộng ≥ 10 mm, Độ uốn ≥ 6 độ, Diện tích bề mặt 130 mm ² -156 mm ² Khoảng ghép xương từ: 0.3 đến 1.1 cc tùy kích thước. Đóng gói trong hộp đã được tiệt trùng. Có ≥ 2 đầu gắn dụng cụ để đặt trong đó có gắn thẳng 0 độ hoặc gắn nghiêng 15 độ. Tiêu chuẩn: FDA, đóng gói đã tiệt trùng.Xuất xứ: Các nước trong khối G7	Cái	25
Phần 17. BỘ NẠP VÍT DÙNG TRONG PHẪU THUẬT CỘT SỐNG ÍT XÂM LẤN QUA DA BƠM XI MĂNG							
1	VT081		N07.06.040	Vít đa trục rỗng lòng bơm xi măng dùng trong phẫu thuật cột sống ít xâm lấn	Vít đa trục rỗng lòng, bước ren đôi, dùng trong phẫu thuật cột sống lưng ít xâm lấn các cơ. Vật liệu: Hợp kim Titanium. Kích thước đường kính thân vít từ 5.0 mm - 7.5 mm chiều dài từ 30 mm - 90 mm, Độ nghiêng tối thiểu: 20°, góc xoay 40°. Cấu tạo rỗng lòng, 1/3 đầu vít có ≥ 6 lỗ để bơm xi măng vào thân sống. Thân vít kiểu bước ren dẫn đôi, chia ren đôi làm 2 phần: ren bén và ren tù, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, Đóng gói tiệt trùng	Cái	75
2	VT082		N07.06.040	Thanh dọc uốn sẵn dùng cho vít qua da và bơm xi măng	Thanh dọc uốn sẵn dùng cho vít qua da và bơm xi măng. Vật liệu: Hợp kim Titanium. Đường kính: 5.5 mm. Chiều dài: 50 mm đến 170 mm Uốn cong sẵn, một đầu thanh dọc nhọn để luồn xuyên qua da và cơ. Một đầu có rãnh ngang để lắp cố định với dụng cụ điều chỉnh hướng vào. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, Đóng gói tiệt trùng	Cái	15
3	VT083		N07.06.040	Ốc khóa trong tự gãy dùng trong phẫu thuật ít xâm lấn bơm xi măng	Vật liệu: Hợp kim Titanium. đường kính 3.7 mm x 9 mm. Có thiết kế ren ốc 1 chiều, ren bên ngoài ăn khớp với ren trong của đầu vít, tránh tự tháo, chống bung ra ngoài. Được thiết kế đầu khóa hình ngôi sao tránh tuôn và trượt khi siết chặt. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Đóng gói tiệt trùng	Cái	75

4	VT084		N06.04.020	Đĩa đệm cột sống thắt lưng dạng cong, các cỡ	Đĩa đệm cột sống thắt lưng dạng cong, các cỡ Vật liệu: PEEK. Đầu vào hình hạt đậu, có 3 điểm cân quang bằng Tantalum. Độ uốn: 0°, 5° tương chiều cao 7 mm - 15 mm. Chiều rộng: 10 mm -12 mm, chiều dài: 27 mm- 33 mm, Hình dáng cong theo cấu trúc khoang đĩa đệm, trên thân có hệ thống răng hình kim tự tháp giúp chống trôi trượt. Có 1 khoang ghép xương. Từ trục gắn của đĩa đệm có thể điều chỉnh được góc nghiêng khi gắn đĩa từ 0° - 90° giúp tăng độ linh hoạt khi cấy ghép. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Đóng gói tiệt trùng	Cái	15
5	VT085		N07.06.030	Kim chọc dò đẩy xi măng vào thân vít rồng	Kim chọc dò đẩy xi măng vào thân vít rồng - Vật liệu: Hợp kim, nhựa y tế. - Kim đẩy vào thân vít rồng lòng và có 1 cây lõi bên trong để đẩy xi măng. Kim được cố định với vít rồng và có một lỗ nhỏ để tăng áp xuất cho việc bơm xi măng và thân vít rồng, chiều dài 175 mm, có thể kéo dài nòng bơm gấp đôi. Nòng rồng của kim có thể chứa 1.2 ml hỗn hợp xi măng cho 1 lần bơm xi măng. Dùng để nhồi xi măng vào vít bơm xi măng, tránh xi măng trào ngược. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485* Đóng gói, tiệt trùng.	Cái	75
6	VT086		N06.04.090	Xương nhân tạo dạng hạt 5cc-10cc	Xương nhân tạo dạng hạt không đều 5cc-10cc. Thành phần: Xương tổng hợp chứa 75 % HA (hydroxyapatite và 25% β TCP (Beta-Tricalcium Phosphate/Calcium Sulfate $[Ca_3(PO)_4]$ có độ xốp. Tỷ trọng: ~ 0.7 g/cm ³ . Mật độ xốp: 60 % - 80 %. Cấu trúc khung 3D, kích thước phân tử 200 μ m-500 μ m, lực nén > 0.2 MPa. Được hấp thụ hoàn toàn trong vòng 12 tháng, tăng cường phản ứng mô tạo xương. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE Đóng gói tiệt trùng.	Lọ	10
7	VT087		N07.06.070	Xi măng xương dùng trong tạo hình thân đốt sống	Xi măng gồm có: 1 gói bột xi măng: 20 g - 21 g + 1 lọ thủy tinh chứa dung môi: 9 g- 9.2 .Gói bột gồm: 64.4% Polymethyl Methacrylate; 0,54% Benzoyl Peroxide; 25.01% Barium Sulfate và 10.01% Hydroxyapatite. Lọ dung môi gồm: 97.6% Methyl Methacrylate; 2.4% N-N dimethyl-p-toluidine; 20ppm Hydroquinone. Độ nhớt thấp, Tác nhân cân quang: 35% . Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Đóng gói tiệt trùng	Gói	30

Phần 18: PHẪU THUẬT CAN THIỆP TỐI THIỂU BẮT VÍT QUA DA

1	VT088	9021	N07.06.040	Vít đa trục cột sống can thiệp tối thiểu qua da	Vật liệu: Hợp kim Titanium Dùng trong phẫu thuật can thiệp tối thiểu qua da, Có hệ thống khoá đôi. Kích cỡ: Đuôi dài 120 mm Đường kính 5.0 mm-7.5 mm chiều dài 25 mm-100 mm Tiêu chuẩn: ISO, CE	Cái	100
2	VT089	9021	N07.06.040	Vít khóa trong cột sống can thiệp tối thiểu qua da	Vật liệu: Hợp kim Titanium Tương thích với vít có đuôi dài 120 mm. Kích cỡ: đường kính ngoài 10.6 mm, chiều cao 4.7 mm. Tiêu chuẩn: ISO, CE	Cái	100
3	VT090	9021	N07.06.040	Nẹp dọc uốn sẵn	Vật liệu: Hợp kim Titanium, Nẹp dọc uốn sẵn, Một đầu nhọn, một đầu dẹp và có lỗ tròn Kích cỡ: đường kính 5.5 mm, dài 40 mm-90 mm Tiêu chuẩn: ISO, CE	Cái	30
4	VT091	9021	N07.06.020	Đĩa đệm cột sống lưng, loại cong, các cỡ	Vật liệu: PEEK Hình dáng đĩa đệm cong, Có 2 khoang lớn chứa xương Có 3 điểm đánh dấu bằng titanium. Kích cỡ: Chiều cao: 7 mm-16 mm, Chiều dài: 28 mm, Chiều rộng: 9 mm, Độ nghiêng: 7 độ - Đóng gói tiệt trùng sẵn, Tiêu chuẩn: ISO, CE	Cái	20

Phần 19: NỘI SOI CỘT SỐNG

1	VT092	90189090	N08.00.330	Bộ tạo lối vào nội soi qua lỗ liên hợp có 3 cỡ ống doa xương, mảnh	Bộ tạo lối vào cho nội soi cột sống qua lỗ liên hợp gồm: 01 kim cỡ 21G, vật liệu: Thép không gỉ, 03 bơm tiêm cỡ 2ml, 5ml, 10ml, vật liệu: Polypropylene và Polyethylene, 01 Có kim chọc tiêm thuốc cản quang cỡ 18G và 21G, vật liệu: Thép không gỉ, 3 cỡ ống doa, vật liệu: thép không gỉ, 01 Có que dẫn đường vật liệu: Nitinol. Tiêu chuẩn: ISO/CE	Bộ	10
2	VT093	39269039	N07.06.080	Dây bơm nước dùng cùng máy bơm nội soi cột sống	Bộ dây bơm nước dùng cùng máy bơm nội soi cột sống: Dài $\geq 5,5$ m, Vật liệu: Silicon. Tiêu chuẩn: ISO/CE	Cái	10

3	VT094	90189090	N08.00.330	Lưỡi mài xương kim cương thô	Lưỡi mài xương kim cương thô cho nội soi cột sống: Dài 265 mm, đường kính thân 4.5 mm, mũi cầu 4.4 mm, Chất liệu: Thân thép không gỉ, mũi phủ kim cương. Tiêu chuẩn: ISO/CE	Cái	10
4	VT095	90189090	N07.06.080	Đầu đốt cao tần lưỡng cực mũi cầu	Đầu đốt cao tần lưỡng cực cho nội soi cột sống: Mũi cầu, dài 275 mm, đường kính 2.5 mm, Chất liệu: thân và đầu mũi: Thép không gỉ, Cách điện Tiêu chuẩn: ISO/CE	cái	10
Phần 20: NẸP VÍT PHẪU THUẬT CỘT SỐNG CỔ LỎI SAU							
1	VT096	9021	N07.06.040	Vít đa trục cổ, ngực sau kèm ốc khóa trong	Chất liệu hợp kim titanium gồm: Vít cổ sau đa trục tự taro. Vít có bước ren cao 1.25 mm, chiều rộng vòng ren 0,7 mm, vòng ren nghiêng góc 55 độ. Vòng ren cuối cách mũi vít 1.67 mm, đầu vít mở góc 20 độ. Vít đường kính 3.5 mm -5.5 mm, dài 10 mm -55 mm. Ốc khóa trong có đường ren dạng bo tròn phần đầu với bán kính 0.2 mm và nghiêng góc 45 độ. Ốc khóa có thêm phần chụp đầu mũ vít. Tiêu chuẩn: CE, Xuất xứ: Các nước trong khối G7	Bộ	50
2	VT097	9021	N07.06.040	Nẹp dọc các cỡ 200 mm - 240 mm	Chất liệu hợp kim titanium/ CoCr. Nẹp dọc thẳng, đường kính 4.0 mm, dài 200 mm đến 240 mm, đầu nẹp phẳng hoặc hình lục giác. Nẹp có thể uốn được góc 90 độ. Tiêu chuẩn: CE, Xuất xứ: Các nước trong khối G7 -	Cái	10
3	VT098	9021	N07.06.040	Nẹp ngang cổ ngực , góc xoay ± 20 độ	Nẹp nối ngang rod - rod có đường kính 4.0 mm. Chiều dài từ 34 mm đến 59 mm. Góc xoay ± 20 độ. Chất liệu hợp kim titanium. Tiêu chuẩn: CE, Xuất xứ: Các nước trong khối G7	Cái	10
Phần 21: VẬT TƯ PHẪU THUẬT CỘT SỐNG CỔ LỎI SAU							
1	VT099	9021	N07.06.040	Vít đa trục cột sống cổ lõi sau kèm ốc khóa	Vật liệu: Titanium Alloy Ti-6Al-4V Vít thay đổi được góc giữa thân và mũ vít. Góc xoay thay đổi từ 0 độ đến 60 độ. Đường kính 3.5 mm và 4.0 mm. Độ dài: từ 10 mm đến 32 mm. Ốc khóa trong, đường kính 6 mm, trên thân ốc có ren chống tháo vít, chống leo ren, Tiêu chuẩn chất lượng: ISO. Đã tiệt trùng sẵn đóng gói riêng lẻ	Cái	50
2	VT100	9021	N07.06.040	Nẹp dọc cổ lõi sau	Vật liệu: Titanium Alloy Ti-6Al-4V Đường kính: 3.5 mm; 4.0 mm. Chiều dài < 100 mm. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016. Đã tiệt trùng sẵn, đóng gói riêng lẻ	Cái	25

Phần 22: NẸP VÍT PHẪU THUẬT CỘT SỐNG CỔ LỐI TRƯỚC

1	VT101	90211000	N07.06.040	Vít cột sống cổ đa hướng tự khoan	Vít đường kính 4.0 mm: chiều dài từ 11 mm-17 mm, đường kính trong 2.4 mm, đường kính ngoài 4.0 mm - Vít đường kính 4.5 mm: chiều dài từ 11 mm-17 mm, bước tăng 2mm, đường kính trong 2.9 mm, đường kính ngoài 4.5 mm Góc nghiêng của vít đơn hướng: 12 độ lên trên/xuống dưới, 6 độ từ trong ra ngoài. Góc nghiêng của vít đa hướng: 22 độ/-2 độ lên trên/xuống dưới; 17 độ/4 độ từ trong ra ngoài. Tiêu chuẩn: ISO, FDA	Cái	150
2	VT102	90211000	N07.06.040	Nẹp cổ trước 1 tầng	Vật liệu: Hợp kim Titanium Dài từ 19 mm đến khoảng 30 mm Trên nẹp có khóa vít. Xoay 90 độ để khóa vít. Có điểm khuyết để xác định điểm giữa của nẹp. Có lỗ rộng để quan sát miếng ghép/ xương ghép. Chiều dày nẹp : ≥ 2.5 mm, Chiều rộng: chỗ rộng ≤ 17.8 mm, Bán kính cong dọc 184 mm, bán kính cong ngang 25 mm Tiêu chuẩn: ISO, FDA,	Cái	10
3	VT103	90211000	N07.06.040	Nẹp cổ trước 2 tầng	Vật liệu: Hợp kim Titanium. Dài từ khoảng 32.5 mm đến 50 mm Trên nẹp có khóa vít. Xoay 90 độ để khóa vít. Có điểm khuyết để xác định điểm giữa của nẹp. Có lỗ rộng để quan sát miếng ghép/ xương ghép. Chiều dày nẹp ≥ 2.5 mm, Chiều rộng: chỗ rộng ≤ 17.8 mm. Bán kính cong dọc 184 mm, bán kính cong ngang 25 mm, Tiêu chuẩn: ISO, FDA,	Cái	10
4	VT104	90211000	N07.06.040	Nẹp cổ trước 3 tầng	Vật liệu: Hợp kim Titanium, Dài từ 52.5 mm đến 72.5 mm. Trên nẹp có khóa vít. Xoay 90 độ để khóa vít. Có điểm khuyết để xác định điểm giữa của nẹp. Đồng thời có lỗ rộng để quan sát miếng ghép/ xương ghép. Chiều dày nẹp ≥ 2.5 mm, Chiều rộng: chỗ rộng ≤ 17.8 mm. Bán kính cong dọc 184 mm, bán kính cong ngang 25 mm. Tiêu chuẩn: ISO, FDA.	Cái	4
5	VT105	90213900	N06.04.020	Miếng ghép đĩa đệm nhân tạo dùng trong phẫu thuật cột sống cổ	Vật liệu: PEEK Thiết kế phù hợp với cấu trúc giải phẫu của cơ thể. - Hai bề mặt có răng, Số điểm đánh dấu cản quang: 3 điểm bằng vật liệu Titanium, Chiều rộng: 11 mm, 14 mm, Chiều cao: 4 mm- 8 mm,- Chiều sâu: 11 mm, Độ uốn: 4 độ- 6 độ, Dung tích khoang ghép xương: 0.12cc - 0.26cc,- Đóng gói trong hộp đã được tiệt trùng. Tiêu chuẩn: ISO, FDA	Cái	24

6	VT106	90213900/ 90211000	N06.04.020/ N07.06.040	Đĩa đệm cột sống cổ dùng độc lập kèm vít	1-Nẹp cổ trước liền đĩa đệm: Hình dáng: Hình thang, có răng 2 phía chống trượt, 2 lỗ dành cho bắt vít có ren xương cứng và ren xương xốp với vòng xoay khóa vít, Vật liệu: PEEK, Kích thước: 15mm x 12 mm và 17x14mm, Chiều cao: 5 mm - 10 mm, Độ dày: cạnh sau 2.5 mm - 3,8 mm, Độ nghiêng: 6 độ. Số điểm đánh dấu cân quang: 2 điểm bằng chất liệu hợp kim Titan, Khoảng ghép xương: 0.31cc - 0.97cc 2'- Vít tự khoan: Vật liệu: hợp kim Titanium, Được thiết kế với hai phần: ren xương cứng và ren xương xốp, Đường kính 3.5mm và 4.0mm,- Chiều dài: 11mm - 15mm. Đạt tiêu chuẩn FDA, ISO 13485	Bộ	10
7	VT107	30019000	N06.04.090	Xương nhân tạo	Thành phần hoá học: 15% Hydroxyapatite và 85% beta-Tricalcium Phosphate. Cấu trúc vật lý: Cấu tạo xốp 3 chiều đồng nhất, thành phần hóa học gần giống xương cơ thể người , Kích thước hạt: 1.6 mm - 3.2 mm. Độ xốp của hạt: 80%. Dung tích 10 cc. Tương thích sinh học tốt với cơ thể , Hình thành xương mới trong vòng 6 tháng, Tiêu chuẩn: ISO, FDA,	Lọ	10
Phần 23: NẸP VÍT PHẪU THUẬT CỘT SỐNG CỔ LỎI TRƯỚC							
1	VT108	9021	N07.06.040	Vít cột sống cổ lõi trước	Chất liệu Titanium alloy TA6V, Vít đường kính 4 mm - 4.5 mm, chiều dài 10 mm-22 mm , tự khoan/ tự taro.Tiêu chuẩn chất lượng ISO; CE	Cái	50
2	VT109	9021	N07.06.040	Nẹp cột sống cổ trước	Vật liệu hợp kim titan cung cấp độ bền cao với độ dày mỏng, Cơ chế khóa đơn giản. Vít khóa xoay 90 độ để khóa, Chiều dài: 17 mm – 90 mm Tiêu chuẩn ISO 13485, EC và FSC	Cái	25
3	VT110	9021	N07.06.020	Nẹp 1 tầng	Nẹp cổ trước một tầng uốn sẵn. Chất liệu Titanium alloy TA6V, có 4 lỗ, dày 1.8 mm, chỗ rộng nhất 17 mm, độ dài 21 mm-31 mm .Tiêu chuẩn chất lượng ISO; CE	Cái	5
4	VT111	9021	N07.06.000	Nẹp 2 tầng	Nẹp cổ trước hai tầng uốn sẵn. Chất liệu Titanium alloy TA6V, có 6 lỗ,, dày 1.8 mm, chỗ rộng nhất 17 mm, độ dài 36 mm-51 mm Tiêu chuẩn chất lượng ISO; CE	Cái	5
5	VT112	9021	N07.06.020	Nẹp 3 tầng	Nẹp cổ trước ba tầng uốn sẵn. Chất liệu Titanium alloy TA6V, có 8 lỗ, dày 1.8 mm, chỗ rộng nhất 17 mm, độ dài 56 mm-76 mm Tiêu chuẩn chất lượng ISO; CE	Cái	5

6	VT113	9021	N07.06.040	Nẹp 4 tầng	Nẹp cổ trước bốn tầng uốn sẵn. Chất liệu Titanium alloy TA6V, có 10 lỗ, dày 1.8 mm, chỗ rộng nhất 17 mm, độ dài 81 mm-101 mm. Tiêu chuẩn chất lượng ISO; CE	Cái	5
7	VT114	9021	N07.06.020	Đĩa đệm cột sống cổ	Chất liệu: PEEK, thiết kế lõi Răng tự giữ để kẹp chặt các tấm cuối, 3 điểm đánh dấu tantalum, chiều cao: 4 mm- 8 mm. Chiều sâu: 2 mm - 14 mm; Chiều ngang : 14 mm - 16 mm, Độ cong sinh lý cột sống: 0°, 4°, 6°. Tiêu chuẩn ISO 13485, EC	Cái	15
Phần 24: VẬT TƯ PHẪU THUẬT CỘT SỐNG CỔ LỐI TRƯỚC							
1	VT115	9021	N07.06.040	Nẹp cổ trước 1 tầng	Vật liệu: Titanium Alloy Ti-6Al-4V Độ dài: Từ 25 mm đến 34 mm. Độ dày nẹp: Từ 1.7 mm đến 2.2 mm Độ rộng: Từ 16 mm đến 20 mm. . Tiêu chuẩn chất lượng: ISO. Đã triệt tủy, đóng gói riêng lẻ	Cái	25
2	VT116	9021	N07.06.040	Vít cột sống cổ lõi trước	Vật liệu: Titanium Alloy Ti-6Al-4V ELI Đi kèm với nẹp cột sống cổ lõi trước giúp cố định nẹp cột sống cổ vào thân đốt sống. Đường kính 3.5 mm - 4.5 mm. Độ dài từ 10 mm đến 20 mm . Tiêu chuẩn chất lượng: ISO. Đã triệt tủy, đóng gói riêng lẻ	Cái	100
3	VT117	9021	N07.06.020	Đĩa đệm cột sống cổ lõi trước	Vật liệu: PEEK và Titanium Alloy Ti-6Al-4V Thiết kế dạng hình thang. Mặt trên và mặt dưới có răng cưa giúp đĩa đệm bám chắc trên bề mặt thân đốt sống.. Đường kính/ Độ cao: 4 mm - 14 mm. Độ rộng: 15 mm, Độ sâu: 12 mm, . Tiêu chuẩn chất lượng: ISO. Đã triệt tủy, đóng gói riêng lẻ	Cái	25
Phần 25 . BỘ BƠM XI MĂNG TẠO HÌNH THÂN ĐỐT SỐNG CỔ BÓNG NONG							
1	VT118		N07.06.030	Bộ bơm áp lực đồng hồ kiểm soát dùng tạo hình thân cột sống	Bộ bơm áp lực đồng hồ kiểm soát dùng tạo hình thân cột sống Vật liệu: Hợp kim, nhựa y tế. Dạng xilanh có 1 đồng hồ thể hiện áp lực thể hiện qua màn hình LCD cho biết mức áp suất được sử dụng để phục hồi xương cột sống. Áp suất tối đa cho phép 300 psi. Áp lực đẩy tối đa 30 ATM/bar. Thẻ tích chứa dung dịch 20 ml, Có khóa điều chỉnh tăng, giảm áp, Có thang đánh dấu mạch đo lường giúp dự đoán lượng xi măng theo yêu cầu với lượng chất lỏng bơm vào thân sống. Có dây dẫn đầu khóa được kết nối với bóng nong thân đốt sống. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. Đóng gói: tiệt trùng	Bộ	30

2	VT119		N07.06.030	Bóng nong dùng trong tạo hình thân đốt sống	Bóng nong dùng trong tạo hình thân đốt sống .Vật liệu: Hợp kim, nhựa y tế. Bóng chịu lực tối đa 300 psi. Chiều dài bóng : 10 mm - 20 mm x Chiều dài của ống dẫn: 120 mm. Có 2 điểm cân quang. Có thanh đánh dấu giúp cân bằng lượng xi măng bơm vào thân cột sống. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	6
3	VT120		N07.06.030	Kim chọc dò mũi tù số 2 dùng trong tạo hình thân đốt sống có bóng	Kim chọc dò mũi tù số 2 dùng trong tạo hình thân đốt sống. Vật liệu: Hợp kim, nhựa y tế, cán chữ T, kim định vị và nong. Đường kính: 4.2 mm Chiều dài: 120 mm.Góc xiên được thiết kế để dễ dàng thâm nhập qua vỏ xương. Tay cầm chuck có thể khóa. Một dấu laser cho phép kiểm soát độ sâu thâm nhập. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	30
4	VT121		N07.06.030	Kim sinh thiết	Kim sinh thiết Vật liệu: Hợp kim, nhựa y tế. Kim sinh thiết, cán chữ T và nong. Đường kính: 3.4 mm, Chiều dài: 120 mm. Dùng để sinh thiết cột sống, và hỗ trợ bơm xi măng cột sống. Có thanh đánh dấu. Tay cầm chuck có thể khóa. Một dấu laser cho phép kiểm soát độ sâu thâm nhập. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	5
5	VT122		N07.06.030	Kim chọc dò mũi vát số 1 dùng trong bộ bơm xi măng tạo hình thân đốt sống	Vật liệu: Hợp kim, nhựa y tế, kim mũi vát, cán chữ T và nong (trocar). Đường kính: 3.0 mm, Chiều dài: 120 mm. Góc xiên được thiết kế để dễ dàng thâm nhập qua vỏ xương. Tay cầm có thể khóa. Một dấu laser cho phép kiểm soát độ sâu thâm nhập. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	60
6	VT123		N07.06.030	Kim đẩy xi măng vào thân sống	Kim đẩy xi măng vào thân sống Vật liệu: Hợp kim, nhựa y tế, kim đẩy xi, cán chữ T và nong (trocar).Đường kính: 3.4 mm, Chiều dài: 120 mm. Có thanh đánh dấu giúp cân bằng lượng xi măng bơm vào thân cột sống. Tay cầm chuck có thể khóa. Một dấu laser cho phép kiểm soát độ sâu thâm nhập. Dùng để đẩy xi măng vào thân cột sống, tránh xi măng trào ngược. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	60
7	VT124		N07.06.030	Kim khoan tạo rãnh vào thân sống	Kim khoan tạo rãnh vào thân sống Vật liệu: Hợp kim, nhựa y tế. Kích thước: Đường kính: 3.5 mm, Chiều dài: 120 mm. Dùng để tạo rãnh khoan vào thân cột sống hỗ trợ bơm bóng tạo hình thân sống. Tay cầm cán chữ T. Một dấu laser cho phép kiểm soát độ sâu thâm nhập.Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	60

8	VT125		N07.06.030	Cây dẫn đường cuống cung	Cây dẫn đường cuống cung đầu tù Vật liệu: Hợp kim y tế. Đầu nhọn hoặc đầu tù. Đường kính: 1.0 mm, Chiều dài: 265 mm.Góc xiên được thiết kế để dễ dàng thâm nhập qua vỏ xương. Dẫn đường hỗ trợ vào thân sống dễ dàng hơn. Một đầu laser cho phép kiểm soát độ sâu thâm nhập. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	60
9	VT126		N07.06.031	Bộ bơm trộn và phân phối xi măng	Vật liệu: nhựa y tế cao cấp (có những thành phần bằng thép không gỉ) - Hệ thống bơm xi măng gồm 6 bộ phận gồm: Bơm đẩy xi măng hình trụ cán chữ T, có khóa điều chỉnh áp lực, Nắp khóa liên kết đầu nối dây dẫn xi măng. Thanh trộn xi măng bao gồm 1 đầu nối với nắp khóa, 1 đầu có hình dạng lò xo, Thanh đẩy xi măng, Dây nối giảm áp và dùng để dẫn xi măng, Phễu đổ xi măng và dung dịch trộn, Bộ trộn Thể tích 30ml, áp suất bơm 30 atm. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	30
10	VT127		N07.06.030	Xi măng xương dùng trong tạo hình thân đốt sống	Xi măng gồm có: 1 gói bột xi măng: 20g-21g + 1 lọ thủy tinh chứa dung môi: 9g- 9.2 .Gói bột gồm: 64.4% Polymethyl Methacrylate; 0,54% Benzoyl Peroxide; 25.01% Barium Sulfate và 10.01% Hydroxyapatite. Lọ dung môi gồm: 97.6% Methyl Methacrylate; 2.4% N-N dimethyl-p-toluidine; 20ppm Hydroquinone.Độ nhớt thấp , Tác nhân cản quang: 35% . Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Đóng gói tiệt trùng	Gói	60

Phần 26: BỘ BƠM XI MĂNG TẠO HÌNH THÂN ĐỐT SỐNG CÓ BÓNG

1	VT128	9021	N07.06.070	Xi măng hóa học tạo hình thân đốt sống	Thành phần: lọ bột: 27.0g- 27.2g: Trong đó có 45% Zirconium dioxide và 5% Hydroxyapatite, dung dịch: 9.0g - 9.2g có Chất cản quang: 50%, Độ nhớt thấp Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng - Tiêu chuẩn: ISO, CE	Cái	200
2	VT 129	9021	N07.06.010	Kim chọc dò bơm xi măng vào thân đốt sống	Vật liệu: Thép không gỉ, Kích cỡ: có 2 loại 11 G và 13 G, dài 125 mm, Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng. Tiêu chuẩn: ISO, CE	Cái	400
3	VT130	9021	N07.06.030	Bộ trộn và bơm xi măng đóng gói tiệt trùng sẵn	Gồm: Bình trộn có tay quay trộn xi măng, phễu dùng để trộn xi măng và dung dịch (hóa chất), xi lanh để hút và bơm xi măng, 1 tay cầm, 1 ống nối. Sản phẩm chỉ sử dụng 1 lần, được đóng gói tiệt trùng sẵn,Tiêu chuẩn: ISO, CE. xuất xứ: Các nước Châu Âu	Cái	150

4	VT131	9021	N07.06.030	Bóng nong thân đốt sống	Bóng nong: Kích thước: Chiều dài ban đầu 10 mm -20 mm. Áp lực nong tối đa 350 psi , thể tích nong tối đa 3 - 5 -7 cc, độ rộng lúc nong 14mm-17mm-19 mm, chiều dài sau khi nong 16-mm 34mm.Tiêu chuẩn: ISO, CE	Cái	20
5	VT132	9021	N07.06.030	Bơm áp lực cao	Thể tích xi lanh 20 ml, Có khóa, Có dây nối áp lực cao có van 3 cửa,- Tiêu chuẩn: ISO, CE	Cái	20
6	VT133	9021	N07.06.030	Bộ kim chọc dò và bơm xi măng vào thân đốt sống	Gồm: 3 kim chứa và đẩy xi măng: kim đẩy xi măng đk 2.9 mm dài $\geq$ 230.3 mm, kim chứa xi măng đk 3.5 mm, dài $\geq$ 213.3 mm,. 1 kim tạo khoang xương trống: đk 3.5 mm, dài $\geq$ 233.7 mm. 1 kim nong và mở rộng: kim nong đốt sống đk 4.3 mm dài $\geq$ 166.1 mm, kim mở rộng đk 3.8 mm dài $\geq$ 184.9 mm, 1 kim dài: đk 3.0 mm dài $\geq$ 157.5 mm, đk 1.9 mm dài $\geq$ 160.8 mm, 2 dây dẫn đường: đk 1.8 mm dài $\geq$ 270 mm.Tiêu chuẩn: ISO, CE	Cái	40

Phần 27: BỘ BƠM XI MĂNG TẠO HÌNH THÂN ĐỐT SỐNG KHÔNG BÓNG

1	VT134	90189090	N03.03.010	Kim chọc dò cuống sống	Bao gồm: Kim mũi vát và ống trocar, Tay cầm có khóa, 11G x 125 mm, Có các điểm đánh dấu kiểm soát độ sâu Vật liệu : Hợp kim y tế, Tiêu chuẩn: CE	Cái	150
2	VT135	90189090	N07.06.030	Kim chọc dò cuống sống	Kim chọc dò cuống sống: Vật liệu : Thép 304 và nhựa y tế, gồm: kim mũi kim cương và trocar, kích cỡ 11 Gauge, Tiêu chuẩn: ISO, FDA	Cái	250
3	VT136	90189090	N07.06.030	Bơm áp lực đẩy xi măng kèm bộ trộn	Hệ thống bơm xi măng không bóng gồm 06 bộ phận : 01 bộ trộn được trang bị lưỡi dao trộn với vòng xoay ngoại luân, có cửa sổ mở phía bên để lắp xylanh, 01 phễu đổ xi măng và dung dịch trộn, 01 pittong đẩy xi măng vào xylanh, 01 xylanh chứa xi măng được kết nối với bộ trộn, 01 tay cầm được sử dụng với xylanh, 01 ống nối kéo dài tránh tiếp xúc trực tiếp với tia X. Hệ thống bơm được trang bị van an toàn, được kích hoạt khi áp lực bên trong xylanh quá cao hoặc khi bơm đẩy đi quá nhanh. Bộ bơm đo và kiểm soát xi măng với áp lực bơm cao (120 bars) Dung tích bơm tối đa hơn 10cc. Tiêu chuẩn: ISO, CE, FSC	Cái	250

4	VT137	30064020	N07.06.030	Xi măng sinh học kèm dung dịch pha HV-R	Xi măng sinh học kèm dung dịch pha gồm: Bột xi măng: 20g xi măng tiệt trùng dạng bột với Barium sulphate 30%, Methyl methacrylate-Styrene-copolymer 68%, Benzoyl peroxide 2%. Dung dịch pha: 9g chất lỏng trong lọ vô trùng với thành phần Methyl methacrylate (mono-mer): 99.1%, N, N-dimethyl-p-toluidine: 0.9%, Hydroquinone 75ppm. xi măng có độ nhớt cao, Có cản quang: 30% Barium Sulfate Thời gian làm việc khoảng 8 phút ở 22° C. Tiêu chuẩn: ISO,FDA	Cái	250
5	VT138	90189090	N07.06.030	Kim chọc khoan thân sống	Vật liệu: Thép không gỉ, nhựa y tế và polycarbonate. Kim chọc và khoan thân sống size 3, cỡ 8 gauge. gồm: 01 nòng bên trong ống Trocar, 02 ống Trocar dạng rỗng nòng có đường kính ngoài ≥ 4.19 mm, có vạch chia trên thân ≤ 120 mm, 02 mũi kim tù, 02 mũi kim nhọn, 01 mũi khoan thân sống có vạch chia độ thể hiện độ sâu vào thân sống trên thân mũi khoan Tiêu chuẩn: ISO,FDA	Cái	5
6	VT139	90189090	N07.06.030	Kim chọc sinh thiết	Vật liệu: Hợp kim và nhựa y tế, Size 3. Tiêu chuẩn: ISO,FDA	Cái	5
PHẦN 28: VẬT TƯ PHẪU THUẬT CỘT SỐNG							
1	VT140			Đĩa đệm cột sống cỡ lõi trước	- Chất liệu: PEEK tương thích MRI. - Thiết kế lõi mô phỏng giải phẫu của cột sống cổ, 2 cửa sổ để ghép xương hoặc thay thế xương. - Răng tự giữ để kẹp chặt các tấm cuối - Rãnh chống trượt ra ngoài và chốt dưới để ngăn ngừa nguy cơ di chuyển lồng hoặc xoay và chống đẩy ra - 3 điểm đánh dấu tantalum chụp X-quang để kiểm soát vị trí lồng. - Bao bì vô trùng cho các trường hợp giúp giảm gánh nặng vô trùng và khả năng nhiễm trùng - Có các size chiều cao: 4, 5, 6, 7, 8mm. - Chiều sâu: 12mm và 14mm; Chiều ngang : 14mm và 16mm - Độ cong sinh lý cột sống: 0°, 4°, 6°. * Tiêu chuẩn ISO 13485, EC và FSC	Cái	10

2	VT141			Thanh nối dọc	- Chất liệu: Hợp kim Titanium Alloy - Đường kính: 5.5mm và 6.0mm, có chiều dài từ 40mm - 500mm. * Tiêu chuẩn ISO 13485, EC và FSC	Cái	10
3	VT142			Thanh nối ngang	- Chất liệu: Hợp kim Titan Ti6Al4V ELI - Chiều dài từ 40mm - 60mm và 60mm - 80mm - Kết nối thanh 5,5mm và 6,0mm, đầu nối cong có thể điều chỉnh độ dài, hai đầu móc cong hình chữ C giúp đảm bảo kết nối ổn định - Có thể điều chỉnh ở nhiều mặt phẳng để phù hợp với nhiều loại giải phẫu cột sống * Tiêu chuẩn ISO 13485, EC và FSC	Cái	5
4	VT143			Vít đa trục cột sống lưng	1. Vít: - Vật liệu: Hợp kim Titan Ti6Al4V ELI - Đường kính: 3,5mm đến 8,0mm (tăng dần 0,5mm) - Góc quay 45° mang lại sự linh hoạt trong khi phẫu thuật - Đầu vít vừa khít được thiết kế để kiểm soát tốt - Chiều dài vít dao động từ 25mm-100mm, tùy thuộc vào đường kính vít - Tương thích với thanh 5,5mm và 6,0mm - Tự động 3-taro - Đầu vít titan được mã hóa màu theo đường kính vít 2. Ốc khóa trong: - Phù hợp với tất cả các loại vít cố định đa trục, vít giảm đa trục và đầu nối thanh 5,5mm, 6,0mm - Được làm từ Ti-6Al-4V - Được thiết kế để giảm tỷ lệ ren chéo * Tiêu chuẩn ISO 13485, EC và FSC	Cái	80
5	VT144			Vít đơn trục bơm xi măng cố định cột sống lưng	1. Vít: - Vật liệu: Hợp kim Titan Ti6Al4V ELI - Đường kính: 5,5mm đến 7,5mm (tăng dần 0,5mm) - Đầu vít ma sát được thiết kế để kiểm soát tuyệt vời - Chiều dài vít dao động từ 30mm-55mm, tùy thuộc vào đường kính vít - Tương thích với thanh 5,5mm và 6,0mm - 6 lỗ để bơm xi măng trực tiếp vào thân đốt sống. - Tự động 3-taro. - Đầu vít titan được mã hóa màu theo đường kính vít.	Cái	20

					2. Ốc khóa trong: - Phù hợp với tất cả các loại vít cố định đơn trục, vít giảm đơn trục và đầu nối thanh 5.5mm, 6.0mm - Được làm bằng Ti-6Al-4V - Được thiết kế để giảm tỷ lệ ren chéo * Tiêu chuẩn ISO 13485, EC và FSC		
6	VT145			Vít nẹp cổ lõi trước	- Vật liệu: Ti6Al4V ELI - Hợp kim Titan - Chiều dài từ 12mm – 20mm (tăng dần 2mm) - Đường kính 4.0mm, 4.5mm - Đầu vít tự khoan, đồng bộ với nẹp cổ trước * Tiêu chuẩn ISO 13485, EC và FSC	Cái	10
7	VT146			Nẹp 1 tầng	Nẹp cổ trước một tầng uốn sẵn. Chất liệu Titanium alloy TA6V, có 4 lỗ, dày 1.8mm, chỗ rộng nhất 17mm, độ dài 21mm-31mm (bước tăng 5mm) Tiêu chuẩn chất lượng ISO; CE và CFS	Cái	5
8	VT147			Nẹp 2 tầng	Nẹp cổ trước hai tầng uốn sẵn. Chất liệu Titanium alloy TA6V, có 6 lỗ,, dày 1.8mm, chỗ rộng nhất 17mm, độ dài 36mm-51mm (bước tăng 5mm) Tiêu chuẩn chất lượng ISO; CE và CFS	Cái	5
9	VT148			Nẹp 3 tầng	Nẹp cổ trước ba tầng uốn sẵn. Chất liệu Titanium alloy TA6V, có 8 lỗ, dày 1.8mm, chỗ rộng nhất 17mm, độ dài 56mm-76mm (bước tăng 5mm) Tiêu chuẩn chất lượng ISO; CE; CFS	Cái	5
10	VT149			Nẹp 4 tầng	Nẹp cổ trước bốn tầng uốn sẵn. Chất liệu Titanium alloy TA6V, có 10 lỗ, dày 1.8mm, chỗ rộng nhất 17mm, độ dài 81mm-101mm (bước tăng 5mm) Tiêu chuẩn chất lượng ISO; CE và CFS	Cái	5
11	VT150			Vít cột sống cổ lõi trước	Chất liệu Titanium alloy TA6V, Vít đường kính 4mm - 4.5mm, chiều dài 10mm-22mm (bước tăng 2mm), tự khoan/ tự taro. Tiêu chuẩn chất lượng ISO; CE và CFS	Cái	30
12	VT151			Miếng ghép đĩa đệm cột sống lưng loại cong	Chất liệu PEEK-OPTIMA, cong, trên thân có răng hình kim nón để cài thiện ổn định cây ghép. Có ba điểm đánh dấu tantalum. độ uốn 4°, 9°, chiều dài 25mm, 30mm và 35mm; rộng 11mm và 13mm; chiều cao 7-14mm (bước tăng 1mm). Tiêu chuẩn chất lượng ISO; CE và CFS	Cái	10

Tổng cộng: 28 phần, 151 mặt hàng
